

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23-9-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhật.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Vĩnh

Bà Phùng Ngọc Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 770/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 823/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn T, trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2024 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị T xây dựng hạnh phúc với anh Lê Văn T do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện An

Lão, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại Thôn Q, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng bình thường và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T chơi bời, sống thiếu trách nhiệm với gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị ra ngoài thuê nhà trọ ở và sống ly thân với anh T từ tháng 9 năm 2023 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên không còn quan tâm đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Lê Tuấn M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2007 và Lê Mạnh H, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2014. Ly hôn Chị T đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị T và anh T không có nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án để giải quyết việc Chị T xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phạm Thị T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Văn T không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung: Giao con Lê Tuấn M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2007 và Lê Mạnh H, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2014 cho Chị T nuôi dưỡng, Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi đối với anh T. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Văn T. Anh T có nơi cư trú tại Thôn Q, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Lê Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn Q, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống Chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh bất đồng quan điểm, anh T chơi bời thiếu sự quan tâm gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, Chị T thuê nhà trọ ở riêng và sống ly thân với anh T từ tháng 9 năm 2023 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác, không có ý kiến gì về việc Chị T đề nghị giải quyết ly hôn, nuôi con. Vì vậy anh T tự từ bỏ quyền lợi của mình được pháp luật bảo vệ. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa Chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Lê Tuấn M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2007 và Lê Mạnh H, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2014. Ly hôn Chị T đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con. Xét hiện nay Chị T có công việc, có thu nhập, có nơi ở đảm bảo điều kiện nuôi các con. Cháu Minh và cháu Hùng đã trên 7 tuổi đều có đơn đề nghị xin được ở với Chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con cho Chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con Lê Tuấn M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2007 và con Lê Mạnh H, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007443 ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Hưng;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhạn**